TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 66/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 20 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1304/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Quang T, sinh năm 1990;
Hộ khẩu thường trú: 82A, Đặng Tiến Đông, phường Đ, thành phố K, tỉnh K.

Và bà Đỗ Ngọc M, sinh năm 1991;
Hộ khẩu thường trú: 54/3 Huyền Trân Công Chúa, Phường X, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng.
Tạm trú: 56/60/4A1, Tổ 7, Khu phố 4, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:
Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 60 do UBND Phường X, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 17/5/2016). Nay ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M có 01 người con chung tên Lê Đức A, sinh ngày 11/01/2016. Giao con chung tên Lê Đức A cho bà Đỗ Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Lê Quang T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí bà M nộp. Ông T - bà M thỏa thuận: Bà M tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn số 60 do UBND Phường X, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 17/5/2016 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M có 01 người con chung tên Lê Đức An, sinh ngày 11/01/2016. Giao con chung tên Lê Đức An cho bà Đỗ Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Lê Quang T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02/2021 cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Quang T và bà Đỗ Ngọc M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Ngọc M tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà Đỗ Ngọc M được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105780 ngày 22 tháng

12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Ngọc M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận Y, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận Y, TPHCM;
- UBND Phường X, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Sang